

Số: 16/2022/QĐST-HNGĐ

Tp. Trà Vinh, ngày 19 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

- Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Gấm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Kiên Ngọc Trương
2. Bà Thạch Thị Mỹ Kim

Căn cứ các Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 237/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con*”.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án và sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Th T, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: ấp RB, xã LĐ, thành phố B, tỉnh B.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1975.

Nơi cư trú: ấp RB, xã LĐ, thành phố B, tỉnh B.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lê Thị Th T và anh Nguyễn Văn L thống nhất thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Giao cháu Nguyễn V M, sinh ngày 08/6/2020 cho chị Lê Thị Th T tiếp tục nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh Nguyễn Văn L cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Anh Nguyễn Văn L có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị T và anh L khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- *Về án phí*: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, chị Lê Thị T tự nguyện chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được miễn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0007389 ngày 01/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh B (chuyển thành án phí), chị T không phải nộp thêm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA